

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **43/2018/HSST**
Ngày: 18/7/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Bình.

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Phiếu.

Ông Lưu Danh Sử.

- Thư ký phiên toà: Ông Bùi Quang Trung, Thư ký - Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N - tỉnh Ninh Bình tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Thanh Xuân, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 46/2018/HSST ngày 19 tháng 6 năm 2018; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2018/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 7 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và Tên: **Trần Văn M**, (Tên gọi khác: Không).

Sinh năm 1976, tại Hòa Bình; Trú tại: xóm H 1, xã N, huyện Y, tỉnh Hòa Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mường; Giới tính: nam; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 5/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Con ông Trần Văn T và bà Hà Thị M; Vợ: Bùi Thị M2; Con: có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1996, con nhỏ nhất sinh năm 2003;

Tiền án, tiền sự: Chưa có.

Bị cáo bị bắt tạm giữ kể từ ngày 07/04/2018 đến ngày 09/04/2018 chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình, (có mặt).

Người làm chứng:

1. Anh Quách Văn M1, sinh năm 1987; Trú tại: xóm Liêu, xã N, huyện Y, tỉnh Hòa Bình, (Vắng mặt).

2. Anh Nguyễn Đình H, sinh năm 1975; Trú tại: phố N, thị trấn N, huyện N, tỉnh Ninh Bình, (Vắng mặt).

3. Chị Bùi Thị M2, sinh năm 1976; Trú tại: xóm H 1, xã N, huyện Y, tỉnh Hòa Bình, (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 06/04/2018, Trần Văn M do có nhu cầu sử dụng ma túy nên Trần Văn M nói với anh Quách Văn M1 ở xóm Liêu, xã N, huyện Y, tỉnh Hòa Bình là thợ xây đang xây nhà cho gia đình M lấy xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius RC (Chưa có biển kiểm soát) của gia đình M chở M đi đến thị trấn N có việc. Anh Quách Văn M1 đồng ý và chở M đến khu vực Chợ Mới thuộc phố T, thị trấn N thì dừng lại đứng đợi ở đó. Trần Văn M xuống xe đi bộ đến gặp một người nam giới (M không biết tên, tuổi, địa chỉ) đang ngồi trên xe đạp ở ven đường, M hỏi người nam giới “*Anh có hàng không để cho em hai trăm*” - Ý M hỏi mua Heroine với giá 200.000 đồng, người nam giới nói “*Có*”. Trần Văn M lấy ra 200.000 đồng đưa cho người nam giới, người nam giới cầm tiền rồi đưa cho M 01 gói Heroine được gói ngoài bằng giấy vở học sinh, M mở gói Heroine kiểm tra xác định đúng là Heroine thì gói lại và cầm ở tay trái rồi đi bộ quay lại chỗ anh M1 để đi về còn người nam giới đạp xe đạp đi luôn. Khi M quay lại chỗ anh M1 đang đứng đợi thì gặp anh Nguyễn Đình H ở phố N, thị trấn N đi bộ đến hỏi đi nhờ xe ra Quốc lộ 12B thì M và anh M1 đồng ý. Lúc này Tổ công tác Công an thị trấn N phối hợp với tổ dân phố thị trấn N đang làm nhiệm vụ tuần tra đi đến, do sợ bị phát hiện cất giấu Heroine trong người nên Trần Văn M đã thả gói Heroine đang cầm trên tay xuống mặt đường đã bị Tổ công tác phát hiện bắt quả tang, thu giữ 01 gói Heroine được gói ngoài bằng giấy vở học sinh. Trần Văn M khai nhận đó là gói Heroine vừa mua về nhằm mục đích sử dụng. Ngoài ra Tổ công tác còn thu giữ của Trần Văn M số tiền 100.000 đồng, 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius RC màu đỏ đen (Chưa có biển kiểm soát).

Cân xác định trọng lượng 01 gói chất bột dạng cục màu trắng thu giữ Trần Văn M có trọng lượng 0,12 gam. Lấy mẫu giám định 0,12 gam ký hiệu M gửi Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình để trưng cầu giám định về trọng lượng ma túy và loại chất ma túy.

Tại bản kết luận giám định số 65/KLGD-PC54-MT ngày 08/04/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình kết luận: “*Mẫu chất bột dạng cục màu trắng ký hiệu M gửi giám định có khối lượng 0,1078 gam là ma túy, loại Heroine*”;

Tại phiên tòa bị cáo Trần Văn M đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận giám định số 65/KLGD-PC54-MT ngày 08/04/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Trần Văn M đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Tại bản cáo trạng số 43/CT-VKSNQ- HS ngày 18/6/2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo Trần Văn M về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự (BLHS).

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS; xử phạt Trần Văn M từ 12 đến 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 07/4/2018. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự (BLTTHS); Tịch thu tiêu hủy 0,0829 gam Heroine còn lại và toàn bộ vỏ bao gói trong gói niêm phong ban đầu, tất cả được niêm phong trong một phong bì ghi số 65/2018/GĐMT và 01 phong bì niêm phong các vỏ gói ban đầu. Trả lại cho bị cáo Trần Văn M số tiền 100.000^d.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa Kiểm sát viên, bị cáo không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Bị cáo không tranh luận gì với lời luận tội của Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa là khách quan phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra; phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án như biên bản bắt người phạm tội quả tang (BL: 37-40); Biên bản niêm phong vật chứng đã thu giữ (BL: 41); kết luận giám định số 65/KLGĐ-PC54-MT ngày 08/04/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình (BL: 48); phù hợp lời khai, bản tường trình của người làm chứng anh Quách Văn M1 (BL: 59-72); phù hợp lời khai, báo cáo của người làm chứng anh Nguyễn Đình H (BL: 73-82). Như vậy đã có đủ căn cứ kết luận khoảng 16 giờ 30 phút ngày 06/04/2018 tại phố T, thị trấn N, huyện N, tỉnh Ninh Bình, Trần Văn M có hành vi cất giữ trái phép 01 gói Heroine có khối lượng 0,1078 gam nhằm mục đích sử dụng bị phát hiện bắt giữ (Heroine có số thứ tự 20 thuộc bảng danh mục I – Nghị định 82/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính Phủ quy định danh mục chất ma túy và tiền chất).

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về việc cất giữ chất ma túy; Bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, trách nhiệm hình sự đồng thời biết rất rõ tác hại của ma túy và việc mua bán, tàng trữ, sử dụng ma túy bị nghiêm cấm nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện tội phạm. Đối

chiếu với quy định của pháp luật hình sự, thấy: hành vi, tội danh và điều khoản áp dụng tại bản cáo trạng, lời luận tội, các chứng cứ buộc tội bị cáo như Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa là có căn cứ. Do đó, hành vi tàng trữ trái phép 01 gói Heroine có khối lượng 0,1078 gam nhằm mục đích sử dụng của bị cáo Trần Văn M đã phạm “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS.

Về tình tiết tăng nặng: bị cáo không có.

Về tình tiết giảm nhẹ: quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Cần nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần xử phạt bị cáo một mức hình phạt, tương xứng với tính chất mức độ phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để tạo điều kiện cho bị cáo cai nghiện, học tập, cải tạo thành người có ích cho gia đình và xã hội.

Bị cáo tàng trữ ma túy để sử dụng cho bản thân, không nhằm mục đích vụ lợi vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng:

- Đối với 0,0829 gam Heroine còn lại và toàn bộ vỏ bao gói trong gói niêm phong ban đầu, tất cả được niêm phong trong một phong bì ghi số 65/2018/GĐMT do cơ quan giám định đã hoàn lại, là vật Nhà nước cấm lưu hành cần tịch thu tiêu hủy, theo quy định tại Điều 47 BLHS và khoản 2 Điều 106 BLTTHS.

- Đối với 01 phong bì niêm phong các vỏ gói ban đầu không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy, theo quy định tại Điều 47 BLHS và khoản 2 Điều 106 BLTTHS.

- Đối với số tiền 100.000^d thu giữ của bị cáo xác định là tài sản hợp pháp của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo cần trả lại cho bị cáo, theo quy định tại khoản 3 Điều 106 BLTTHS.

[3] Các vấn đề khác:

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius RC (chưa có biển kiểm soát) thu giữ của Trần Văn M, qua điều tra xác định đây là tài sản chung hợp pháp của Trần Văn M và vợ là Bùi Thị M2, Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản cho chị Bùi Thị M2 là phù hợp.

- Về nguồn gốc ma túy: Trần Văn M khai mua của một người đàn ông không biết tên tuổi địa chỉ ở khu vực Chợ Mới thuộc phố T, thị trấn N, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N không đủ không đủ căn cứ để xử lý theo quy định của pháp luật.

- Đối với anh Quách Văn M1 người chở Trần Văn M đi mua ma túy, anh Minh không biết việc Trần Văn M nhờ chở đi mua ma túy nên anh Quách Văn M1 không phải chịu trách nhiệm hình sự trong vụ án này.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

3. Tuyên bố: bị cáo Trần Văn M phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”;
Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS;
Xử phạt bị cáo Trần Văn M 15 (Mười lăm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 07/4/2018.

2. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS; Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 106 BLTTHS;

- Tịch thu tiêu huỷ:

+ 01 phong bì thư được niêm phong, là mẫu vật hoàn trả số 65/2018/GĐMT. Bên trong có M = 0,0829 gam chất bột màu trắng là ma túy loại Heroine, toàn bộ vỏ gói và phong bì niêm phong cũ.

+ 01 phong bì thư được niêm phong. Bên trong là vỏ gói và phong bì niêm phong cũ.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 27/6/2018 giữa Cơ quan CSĐT công an huyện N và Chi cục Thi hành án dân sự huyện N).

- Trả lại cho Trần Văn M số tiền 100.000^d thu giữ của của Mạnh. (Số tiền 100.000^d hiện đang ở tài khoản Chi cục Thi hành án dân sự huyện N tại kho bạc Nhà nước huyện N, theo uỷ nhiệm chi lập ngày 06/7/2018).

3. Án phí: Căn cứ khoản 2 các điều 135, 136 của BLTTHS; áp dụng Điều 21, Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí Tòa án. Buộc bị cáo Trần Văn M phải chịu 200.000^d án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện N;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- Công an huyện N;
- Chi cục THA. DS huyện N;
- Thi hành án HS;
- Lưu (Hồ sơ, VP);
- (Thông báo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà
(Đã ký)**

Nguyễn Ngọc Bình